

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 142/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-5-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lê Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Bình.
- Ông Nguyễn Văn Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Cao Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Trần Thị Đ trình bày: Bà và ông Cao Văn T tìm hiểu 05 tháng rồi tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 12 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Trong thời gian sống chung, ông T nhiều lần có quan hệ với người phụ nữ khác, không chăm lo làm ăn. Vì con bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông T không thay đổi mà còn đánh bà. Nay tình cảm không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Cao Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung là chị Cao Thị T1, sinh năm 1996, anh Cao Minh L, sinh năm 1997, chị Cao Thị Mỹ L1, sinh năm 2001. Nếu

Tòa án giải quyết ly hôn, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông T tự thỏa thuận giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Cao Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T đang cư trú tại Khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Bà Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà Đ.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có bà Đ cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Đ và ông Cao Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 12 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa bà Đ, ông T là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Đ yêu cầu ly hôn. Ông T không đưa ra ý kiến gì để đoàn tụ. Điều đó có thể chứng minh tình trạng hôn nhân giữa bà Đ, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho bà Đ được ly hôn ông T.

[5] Về quan hệ con chung: Bà Đ và ông T có 03 con chung là chị Cao Thị T1, sinh năm 1996, anh Cao Minh L, sinh năm 1997, chị Cao Thị Mỹ L1, sinh năm 2001. Các con đã trưởng thành và bà Đ không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung và nợ: Bà Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Cho Bà Trần Thị Đ được ly hôn ông Cao Văn T.

2. Bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001416 ngày 10 tháng 02 năm 2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Lộc (Số 253/1996);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Quyên